

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần
Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên
(PV OIL THÁI NGUYÊN)**

Sửa đổi lần 2 ngày 06/5/2016

Thái Nguyên 05-2016

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - d. "Cán bộ quản lý" là Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4 mục 17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2: Tên, trụ sở, chi nhánh và phạm vi hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt Nam: **Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên**
- Tên tiếng Anh: **PV OIL Thai Nguyen Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **PV OIL THAI NGUYEN., JSC.**

2. Trụ sở Công ty:

Trụ sở chính:

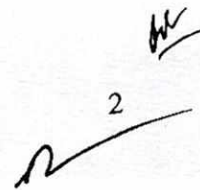
Thôn Phù Lôi - xã Thuận Thành - Thị xã Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên.

Số điện thoại: 02803 863 739

Số Fax : 02803 763 297

Các đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng Công ty;
- Kho cảng xăng dầu Đa Phúc;
- Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu.



Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Mua cổ phần, góp vốn vào công ty khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Tư cách pháp nhân

1. Công ty có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm dân sự về mọi hoạt động, kinh doanh của mình.
2. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
3. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chịu sự quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
4. Hạch toán kinh tế độc lập, hạch toán kế toán theo quy định của Pháp luật, được lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 4: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu:

Công ty được thành lập theo nguyện vọng, ý tưởng của các cổ đông sáng lập thành lập công ty để kinh doanh nhằm mục đích tạo lợi nhuận cho các cổ đông, tạo việc làm cho người lao động. Trong quá trình kinh doanh, áp dụng công nghệ, phương thức quản lý nhằm nâng sức cạnh tranh của Công ty, thu hút thêm vốn, đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh trong đó lấy kinh doanh xăng dầu làm lĩnh vực trọng tâm, thu hút thêm lao động có trình độ, tạo động lực mạnh mẽ phát triển vốn, tài sản, tăng thu nhập Công ty, tăng cổ tức cho các cổ đông và đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước và địa phương.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm dầu mỡ nhờn;
- Mua bán khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh kho chứa xăng dầu và cầu cảng tiếp nhận nhiên liệu;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Khai thác, mua bán cát sỏi; Mua bán than;
- Dịch vụ cho thuê bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi;
- Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu;
- Các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty được đăng ký bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh hoặc thay đổi phạm vi hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Thời gian hoạt động

Nellur

Paul
3

1. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Thời gian hoạt động có thể được gia hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật
3. Thời gian hoạt động có thể chấm dứt trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Công ty

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng hưởng lợi, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn của mình đã góp vào Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
4. HĐQT bầu Hội đồng quản trị (HDQT) để lãnh đạo hoạt động Công ty giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban Kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động của Công ty.
5. Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc do HĐQT tuyển chọn, ký hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng.

Điều 7: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình và phù hợp với nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh của Công ty.

Nathan

Phu
4

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

MỤC I: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 8: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được góp và được hạch toán bằng tiền đồng Việt Nam, những trường hợp góp vốn bằng hình thức khác sẽ phải được định giá và quy ra tiền đồng Việt Nam.
2. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc và tính hợp pháp vốn đóng góp của các cổ đông.
3. Vốn điều lệ của Công ty là: **21.752.000.000** đồng Việt Nam (Hai mươi một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu đồng Việt Nam chẵn)
4. Số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 2.175.200 (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm) cổ phần phổ thông
5. Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/01 cổ phần.
6. Các cổ đông Công ty nắm giữ cổ phần chi tiết như sau:

A. Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (PV OIL)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305795054 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 16/01/2016;
- Giá trị vốn góp 11.092.500.000 đồng (Mười một tỷ không trăm chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn) tương ứng 51% tổng vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.109.250 (Một triệu một trăm linh chín nghìn hai trăm năm mươi) cổ phần.

B. Bà Nguyễn Thị Hòa

- Sinh ngày: 17/2/1959 Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2 - Phường Ba Hàng – thị xã Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên.
- Số CMTND: 090493247 Do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/01/2007.
- Giá trị vốn góp 8.483.900.000 đồng (Tám tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng) tương ứng 39 % tổng vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ: 848.390 (Tám trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm chín mươi) cổ phần.

C. Bà Hoàng Ngọc Hà

- Sinh ngày 17/10/1982 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2 - Phường Ba Hàng – thị xã Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên.
- Số CMTND: 090879584 Do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 31/1/2015.
- Giá trị vốn góp 1.175.600.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi năm triệu sáu trăm ngàn đồng) tương ứng 5,4 % tổng vốn điều lệ.

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]
5

- Số cổ phần nắm giữ: 117.560 (Một trăm mười bảy ngàn năm trăm sáu mươi) cổ phần.

D. Ông Hoàng Văn Bì

- Sinh ngày 03/03/1952 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2 - Phường Ba Hàng – thị xã Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên.
- Số CMTND: 090073612 Do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 03/2/2002.
- Giá trị vốn góp 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tương ứng 4,6 % tổng vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ: 100.000 (Một trăm ngàn) cổ phần.

7. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho đầu tư trang thiết bị và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh phù hợp theo nhu cầu kinh doanh và lợi ích của cổ đông. Việc tăng giảm vốn điều lệ, hình thức huy động vốn do ĐHDCĐ quyết định phù hợp với các qui định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ thì cơ cấu vốn, tỷ lệ vốn điều lệ của khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

Điều 9: Cổ phần

1. Cổ phần là một đơn vị góp vốn tối thiểu mà mỗi cổ đông tham gia đầu tư vào Công ty nắm giữ.
2. Tất cả các cổ phần của Công ty được phát hành lần đầu tiên đều là Cổ phần phổ thông.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

Điều 10: Các loại cổ phần

Công ty có các loại cổ phần sau:

1. Cổ phần phổ thông: người sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông.
2. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau:
 - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - b. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Việc phát hành cổ phần ưu đãi; quyền và nghĩa vụ của cổ đông ưu đãi theo quy định của Pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11: Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp:

a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;

c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỉ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng sau khi ghi đúng và đầy đủ những thông tin theo quy định của Điều lệ vào "Sổ đăng ký Cổ đông". Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

3. Sau khi thanh toán đủ tiền mua cổ phần, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.

4. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 12: Thừa kế cổ phần

1. Trong trường hợp cổ đông của Công ty qua đời, Công ty công nhận quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật định những người sau đây sở hữu một phần hoặc toàn bộ của người đã mất:

- Người thừa kế số cổ phần duy nhất theo luật định;
- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các tranh chấp giữa những người thừa kế cổ phần.
- Người có quyền sở hữu hoặc người có quyền thừa kế hợp pháp phải đăng ký sở hữu cổ phần được thừa kế tại Công ty theo quy định của bản Điều lệ này để trở thành cổ đông, được hưởng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ cổ đông.
- Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của Pháp luật về dân sự.

2. Cổ phần của các thành viên HĐQT, Giám đốc, các Phó giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác trong Công ty, người nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không được đương nhiên thừa kế các chức danh quản lý điều hành trong Công ty.

Điều 13: Chuyển nhượng cổ phần

1. Hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập: Trong vòng 03 (ba) năm đầu, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Trong thời hạn 03 năm này, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông

Handwritten signature

Handwritten signature

sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

2. Cổ phần phổ thông của các cổ đông không thuộc đối tượng đã nêu ở khoản 1 Điều này được phép chuyển nhượng tự do, nhưng phải tuân thủ theo các quy định về chuyển nhượng và quy định về quản lý cổ đông của Công ty.
3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán
4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 14: Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông
 - 1.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ cổ đông quy định tại Điều lệ của Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.
 - 1.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1.1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty: Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:
 - 2.1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.
 - 2.2. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có: tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

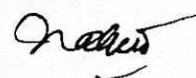
Handwritten signature

Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

- 2.3. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.
 - 3.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
 - 3.2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
 - 3.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
 - 3.4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 15: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;
 - g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
2. Các cổ đông sau khi được ghi tên vào "Sổ đăng ký cổ đông" của Công ty sẽ được nhận một "Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần" cho tất cả cổ phần của mình.



3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
- b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 16: Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.


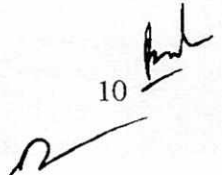
MỤC II. CỔ ĐÔNG

Điều 17: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản hoặc tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở của Công ty;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 18: Quy định chung về cổ đông

1. Trong thời gian hoạt động, Công ty phải có ít nhất là 03 (ba) cổ đông.


10 

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào "Sổ đăng ký cổ đông".
3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất.
4. Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để thực hiện các quyền cổ đông của mình tại Công ty. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người khác.
5. Các cổ đông có thể tự nguyện nhóm lại để cử một người đại diện để tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
6. Các văn bản uỷ quyền đại diện, thay đổi đại diện, trường nhóm đại diện đều phải gửi tới HĐQT của Công ty và có hiệu lực pháp luật theo dấu công văn đến.

Điều 19: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Quyền của cổ đông phổ thông:

1.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
- Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này;
- Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;
- Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này.

1.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên ngoài các quyền nêu tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này có thêm các quyền sau:

- Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

Handwritten signature

Handwritten signature

- Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
- Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.
- Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông:

- Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;
- Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - + Vi phạm pháp luật;
 - + Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - + Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

MỤC III. CỔ TỨC



Điều 20: Chia cổ tức

1. Công ty chỉ được chia cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật và ngay khi chia hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả. Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần chia cổ tức, HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được chia đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức chia. Thông báo về chia cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện chia cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức chia cổ tức.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm chia cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
 4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác do ĐHĐCĐ Công ty quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Điều 21: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 14 của Điều lệ này hoặc chia cổ tức trái với quy định tại Điều 20 của Điều lệ này, thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.


13


CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 22: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty gồm

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Giám đốc và các Phó giám đốc;
- Kế toán Trưởng;
- Ban kiểm soát.

Điều 23: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1.2 Khoản 1 Điều 19 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Khoản 2 Điều 19 Điều lệ này hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, e Khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm

soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 24: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua nghị quyết bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

Handwritten signature

- m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 42 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định tại Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước Công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 26: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ

đồng được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

Điều 27: Quyền dự họp ĐHĐCĐ

- Cổ đông phổ thông được quyền dự họp ĐHĐCĐ của công ty.
- Cổ đông Công ty có thể ủy quyền cho người khác dự họp. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ nhưng không được đề cử, ứng cử với tư cách cá nhân. Việc ủy quyền chỉ có giá trị từng lần, người được ủy quyền không có quyền ủy cho người khác.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại điểm 1.2 Khoản 1 Điều 19 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối đề nghị nêu tại Khoản 3, Điều này nếu xảy ra một trong các trường hợp sau :
 - Kiến nghị gửi đến không đúng thời hạn tính theo dấu bưu điện hoặc không có đủ thông tin, không đúng nội dung;
 - Vấn đề được kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - Những trường hợp khác qui định trong Điều lệ này.

Điều 28: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

- Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - Định hướng phát triển công ty;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty.
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định
- b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
- c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.

Điều 29: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình làm việc;
 - Chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu trống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 30: Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Nghị quyết được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét và huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

Nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

Điều 31: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
5. Không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
6. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
7. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32: Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc Điều lệ công ty;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại khoản 2, điều 28 của Điều lệ này;

- i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán Trưởng và người quản lý quan trọng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
 - p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 33: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có ba thành viên, Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 34: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 35: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, các cán bộ quản lý các đơn vị khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 36: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Nếu Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 37: Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
9. Biểu quyết.
 - a. Trừ quy định tại Khoản 9.b mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Nghị quyết của HĐQT chậm nhất trong 05 ngày làm việc kể từ sau ngày được thông qua phải gửi tới các thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty.

Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi cho HĐQT Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ họp lại để xem xét và quyết định.

Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- Mất tư cách đại diện cho cổ đông là pháp nhân;
- Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm 2/3 so với tổng số đã quy định tại Điều lệ này thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bổ sung thành viên HĐQT.

Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho các thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Chủ tịch bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải cử ngay một người trong số họ để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch.

MỤC II. GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 39: Giám đốc

Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, là Người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông, trước HĐQT về việc điều hành của mình.

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và được ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Giám đốc có thể là người trong Công ty hoặc thuê ngoài, nhưng trước hết tuyển chọn và bổ nhiệm người trong cổ đông hoặc trong các thành viên HĐQT, nhưng phải được ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT Công ty tán thành thì mới có giá trị.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có trình độ Đại học hoặc tương đương;
- Có ít nhất 05 năm công tác trong sản xuất kinh doanh hoặc trong quản lý doanh nghiệp;
- Đã có ít nhất 03 năm kinh nghiệm giữ các chức vụ quản lý, quản trị ít nhất từ cấp Phó trưởng phòng hoặc cấp tương đương trở lên;
- Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;
- Không vi phạm Điều 13 Luật doanh nghiệp.

Giám đốc điều hành có thể không phải là thành viên HĐQT

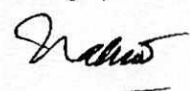

Giám đốc, các Phó giám đốc có thể bị cách chức hoặc bãi miễn trong các trường hợp:

- Bị chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Từ chức và được HĐQT xem xét chấp thuận;
- Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của HĐQT, của ĐHĐCĐ;
- Xét thấy không đủ năng lực để đảm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty;
- Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo luật định.

Việc cách chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng phải có sự nhất trí của quá bán số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 40: Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc

Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.

 26 

Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Kiến nghị cơ cấu tổ chức Công ty, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

Được HĐQT uỷ quyền đại diện theo Pháp luật của Công ty; bảo toàn và phát triển vốn sản xuất kinh doanh của Công ty

Xây dựng kế hoạch (đầu tư và sản xuất kinh doanh) dài hạn và hàng năm trình HĐQT xem xét và thông qua ĐHCĐ, tổ chức thực kế hoạch đã được thông qua.

Xây dựng các định mức kỹ thuật, định mức kinh tế-kỹ thuật, định mức lao động-tiền lương, định mức chi phí trình Hội đồng quản trị phê duyệt;

Quyết định giá mua, giá bán nguyên vật liệu sản phẩm (trừ những vật tư nguyên liệu, sản phẩm do Nhà nước quy định).

Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh theo quy định của HĐQT.

Đề xuất các chức danh Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện để HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Quyết định bổ nhiệm miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với người lao động khác trong Công ty.

Ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định phù hợp với phân cấp của Hội đồng quản trị.

Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động các kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đại diện Công ty khởi kiện trong các vụ án có liên quan đến quyền lợi của công ty phù hợp với sự chỉ đạo của HĐQT.

Thực hiện đầy đủ đúng chế độ chính sách, pháp luật Nhà nước trong mọi hoạt động của Công ty.

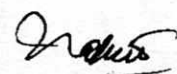
Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo thường xuyên tới Chủ tịch HĐQT, đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT để giải quyết các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền của Giám đốc.

Từ chối thực hiện các quyết định của Chủ tịch hoặc nghị quyết của HĐQT nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của ĐHCĐ hoặc nếu thực hiện sẽ gây tổn hại lớn cho Công ty và có trách nhiệm thông báo ngay với Ban kiểm soát đồng thời phải chịu trách nhiệm về việc từ chối thực hiện của mình.

Tuyển dụng hợp đồng lao động, bố trí sử dụng lao động, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng đối với người lao động phù hợp với Bộ Luật Lao động, Điều lệ Công ty và quy định của HĐQT.

Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát.

Chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHCĐ và pháp luật về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty.



27



Giúp việc cho Giám đốc các Phó giám đốc. Giám đốc phân công nhiệm vụ cho các Phó giám đốc.

Giám đốc được sự uỷ nhiệm đầy đủ quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Giám đốc thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình phù hợp với Điều lệ và các nội quy, quy chế quản lý nội bộ của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật.

Điều 41: Ủy quyền

Giám đốc Công ty có thể uỷ quyền cho các Phó giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước việc ủy quyền của mình.

Người được Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy quyền lại cho người khác.

Mọi sự ủy quyền có liên quan đến con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 42: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, thành viên Ban kiểm soát;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết
4. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT có người có liên quan là ký hợp đồng không có quyền biểu quyết
5. Trường hợp các hợp đồng, giao dịch nói trên được ký mà chưa có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thì hợp đồng đó vô hiệu được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty mọi thiệt hại có liên quan.

MỤC III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 43: Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Ban kiểm soát bầu một thành viên là Trưởng ban bằng bỏ phiếu kín, mỗi thành viên Ban kiểm soát có một phiếu. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công cho thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc kiểm soát. Nếu trường hợp Công ty chỉ có 01 thành viên Ban kiểm soát thì thành viên đó sẽ là Trưởng Ban kiểm soát. Ban kiểm soát là người thay mặt ĐHCĐ kiểm soát việc quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Giám đốc.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những sai phạm của mình gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát :

- Thành viên HĐQT, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và những người có liên quan với các chức danh này.
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề.
- Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHCĐ.
- Các chi phí cho hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 44: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Nellus

29

kh
R

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
7. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại 31 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
11. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
12. Ban kiểm soát phải tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
13. Kiểm soát viên Công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
14. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
15. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các Công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.


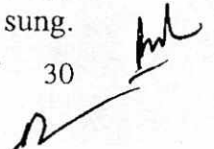
Điều 45: Từ nhiệm, bãi miễn, bổ sung thành viên của Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Ban kiểm soát và HĐQT để trình ĐHĐCĐ gần nhất bầu thay thế.

Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp như thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ này.

Trong trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát, thì các thành viên còn lại phải cử người thay thế trong số các thành viên còn lại.

Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà thành viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

 30 

CHƯƠNG V

TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46: Tài chính, kế toán

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc 31/12 năm dương lịch đó. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.

Công ty thực hiện công tác tài chính kế toán và chế độ thống kê theo quy định hiện hành của Pháp luật.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm tới các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát. Trong vòng 90, ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 47: Yêu cầu về kiểm toán

Báo cáo tài chính hàng năm được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua trong trường hợp:

1. Theo quy định của Pháp luật.
2. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.

Điều 48: Lợi nhuận và nguyên tắc sử dụng lợi nhuận của Công ty

1. Lợi nhuận của Công ty bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận hoạt động tài chính và lợi nhuận khác.
2. Lợi nhuận của Công ty, sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp cho các khoản lỗ năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế, sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định sử dụng, cụ thể như sau:
 - Trích lập các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Chia cổ tức cho các cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập phương án sử dụng lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông, xử lý thua lỗ đệ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 49: Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh

Việc xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành và các quy định nội bộ của Công ty

Điều 50: Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Công ty phải lưu giữ những tài liệu sau đây:
 - a. Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông;
 - b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;

- c. Các tài liệu và giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;
 - e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
 - f. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - h. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Handwritten signature 32 *Handwritten initials*

CHƯƠNG VI

TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 51: Giải quyết tranh chấp nội bộ

Mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến công việc của Công ty phải được giải quyết dân chủ, bình đẳng và theo các Quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Nếu việc giải quyết tranh chấp không theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra xử lý theo các quy định liên quan của Pháp luật.

Các thành viên trong Công ty có hành vi vi phạm bản Điều lệ Công ty đều bị xử lý theo các quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 52: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty

Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định tại Điều 150, 151, 152, 153 và 154 của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan

Điều 53: Giải thể

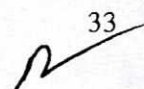
Công ty chỉ giải thể trong các trường hợp sau:

- Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn.
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục.

Thủ tục giải thể, ban thanh lý, giám sát thanh lý và thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 54: Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật phá sản.



33

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 55: Thành lập

Công ty chính thức thành lập sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:

- Đại hội đồng cổ đông thành lập đã phê chuẩn bản điều lệ này.
- Đã hoàn tất mọi thủ tục thành lập Công ty và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên.

Điều 56: Con dấu

Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 57: Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

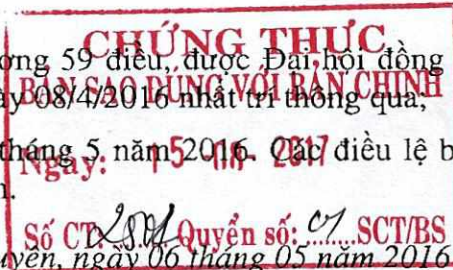
Điều 58: Thể thức sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Điều lệ.

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh;
2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông;
3. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thể thức họp, thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 59: Điều khoản cuối cùng

Bản điều lệ sửa đổi lần 2 này bao gồm 07 chương, 59 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của công ty họp ngày 08/4/2016 nhất trí thông qua,

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 6 tháng 5 năm 2016. Các điều lệ ban hành trước đây đều không còn hiệu lực thực hiện.



Số CT: 2017 Quyền số: 07.SCT/BS
Thái Nguyên, ngày 06 tháng 05 năm 2016

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



[Handwritten signature]

Lê Văn Nghĩa



[Handwritten signature]

CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Kỳ